

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu lâm sản Đà Nẵng theo QĐ số 7013/QĐ/BNN-TCCB ngày 31/12/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400422373 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2002, đăng ký điều chỉnh lần 20 ngày 14/03/2014 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 1081 Ngô Quyền, phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.182.500.000 VND.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Nguyễn Đức Huy, sinh ngày 03/01/1967 ; Giấy chứng minh nhân dân số 2001243471 ngày cấp 04/12/2008, nơi cấp: công an thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 40 Bình An, Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Chức danh: Tổng Giám đốc.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, trồng rừng, công nghiệp chế biến gỗ, dịch vụ tổng hợp...

#### Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh như sau:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ,tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu ; Xuất nhập khẩu : Lâm sản và các sản phẩm Nông lâm kết hợp; Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, lương thực, trang trí nội thất.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây lắp công trình đường xây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110KVA. Xây dựng công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, sân bay, bến cảng, kè, đê, đập thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý chất thải môi trường. Thi công các công trình ngầm dưới đất, dưới nước.
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Chi tiết: sản xuất dăm giấy (địa điểm SX: Ngoài thành phố Đà Nẵng)
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế, kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp; Lập dự toán thi công phòng chống mối công trình xây dựng.
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo thương mại.
- Tổ chức và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức sự kiện.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất và quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh cơ sở dịch vụ lưu trú.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, cafe, nước giải khát, đồ uống.
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận chuyển khách du lịch.
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị, máy móc phục vụ cho ngành giáo thông và công nghiệp. Bán buôn máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.
- Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh karaoke. Dịch vụ văn hóa công cộng.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu. Dịch vụ tắm hơi.
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú. Chi tiết: dịch vụ giặt là.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vé máy bay. Dịch vụ giữ xe. hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Dịch vụ giao nhận và vận tải ngoại thương.
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp. Chi tiết: hoạt động xông hơi khử trùng. Thiết kế điều tra quy hoạch rừng, tìm và tạo quỹ đất để trồng rừng, chăm sóc bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng và quản lý rừng trồng.
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác. Chi tiết: photo, chuẩn bị tài liệu.
- Sao chép bản ghi các loại.
- In ấn (không bao gồm in tráng bao bì bằng kim loại, in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, lương thực, trang trí nội thất; Cung ứng vật tư thiết bị nông lâm nghiệp, dịch vụ cho miền núi và đời sống. Bán buôn các loại thuốc trừ sâu, phân bón. Bán buôn thức ăn gia súc.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết, bện. Chi tiết: công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản; Chế biến và bảo quản lâm sản, nông sản.
- Bán mô tô, xe máy.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu, mỡ.
- Bán buôn tổng hợp; bán buôn thực phẩm; bán buôn đồ uống; bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Khai thác, vận chuyển gỗ; Khai thác vận chuyển lâm sản khác.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đóng gói; bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn than, quặng mỏ và khoáng sản.
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ phòng và chống các loại côn trùng hại người và gia súc, phòng và diệt môi, mọt, hà, mối.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa biết phân vào đâu.

89059  
CÔNG TY  
KIỂM HỨ  
EM TOÁ  
PHÁT A  
MA - T

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường :** đối với hoạt động trồng rừng chu kỳ sản xuất là 5-7 năm.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**  
Không có

**Cấu trúc doanh nghiệp :**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh công ty CP VINAFOR tại Đà Nẵng- XÍ NGHIỆP LÂM NGHIỆP VINAFOR ĐÀ NẴNG	234- Điện Biên Phủ, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng	Thiết kế điều tra quy hoạch rừng, tìm và tạo nguồn quỹ đất để trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng, quản lý rừng trồng. Khai thác gỗ. Trồng rừng và chăm sóc rừng
Chi nhánh công ty CP VINAFOR tại Đà Nẵng- XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ VINAFOR ĐÀ NẴNG	42-Lạc Long Quân, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng	Sản xuất và gia công các sản phẩm gỗ
Chi nhánh công ty CP VINAFOR tại Đà Nẵng- KHÁCH SẠN SƠN TRÀ	138-Hải Phòng, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Chi nhánh công ty CP VINAFOR tại Đà Nẵng- XÍ NGHIỆP BẢO QUẢN VINAFOR ĐÀ NẴNG	138-Hải Phòng, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng	Dịch vụ phòng và chống các loại côn trùng hại người và gia súc, phòng và diệt mối, mọt, hà, mốc, kinh doanh các loại thuốc trừ sâu, phân bón

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/20014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 Thay đổi trong chính sách kế toán**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các



chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 31.

#### **2.4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **2.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **2.6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị



ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm

## 2.10. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

## 2.11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.



Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo bảng kê nợ vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính, nợ ngân hàng, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### **2.17. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của chủ sở hữu.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận được quy định trong điều lệ của Công ty và theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

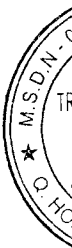
Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

#### **2.18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính.

#### **2.19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **2.20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán phát sinh trong năm bao gồm: hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

#### **2.21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

38905  
CÔNG  
NHIỆM  
KIỂM TO  
PHÁT  
S MAI



**2.22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**2.23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.24. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Theo đó:

- Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên đầu tư 51,01% vốn, được coi là công ty mẹ với Công ty;
- Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban giám đốc được coi là bên liên quan với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.



## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt		154.152.979		92.027.074
VND		154.152.979		92.027.074
Tiền gửi ngân hàng		2.201.225.749		2.925.408.375
NH TMCP Ngoại thương -CN Đà Nẵng				
VND		281.827.949		125.537.994
USD	1.266,46	28.456.722	1.292,68	27.628.419
NH NN& PTNT Việt Nam - CN Sơn Trà				
VND		51.865.976		88.977.405
USD				
NH NN& PTNT Việt Nam - CN KCN Hòa Khánh				
VND		7.129.748		7.057.948
USD	109,32	2.452.048	109,18	2.333.413
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hải Vân				
VND		511.215.393		1.435.665.749
USD	223,96	5.176.072	355,38	7.595.607
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- TP ĐN				
VND		127.666.097		161.757.706
USD	141,86	3.184.757	379,27	8.105.214
Ngân hàng TMCP Quân đội				
VND		512.044.051		195.625.576
USD	183,38	4.229.131	575,66	12.303.574
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga				
VND		637.315.442		684.754.355
USD	265,56	5.989.183	7.037,37	150.409.774
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu Vực QĐN				
VND		17.745.347		17.655.641
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Đà Nẵng				
VND		2.681.833		
USD	100,00	2.246.000		
		<b>2.355.378.728</b>		<b>3.017.435.449</b>

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (phụ lục 1 trang 28)

## 5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

## a. Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND		VND
Ngắn hạn		<b>5.829.604.001</b>		13.248.544.056
Dehner Gmbh & Co.KG		2.155.660.899		826.722.571
Heavy metal Inc (Nobel)		275.681.452		48.765.499
GLOBAL HOME K.S				4.012.878.375
Rusta AB		803.135.280		3.331.055.588
Công ty CP ĐT&PT The Moon				879.506.248
Công ty LDSX nguyên liệu giấy Việt Nhật		468.619.888		
SFERE TEAM				814.502.510
KOSMOS INTERNATIONAL S.A				510.672.904
Các công ty cá nhân khác		2.126.506.482		2.824.440.561
		<b>5.829.604.001</b>		<b>13.248.544.056</b>